

Bản án số: 31/2021/HS-ST
Ngày 26-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đàm Thị Thanh Loan

Ông Trương Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thơ - Kiểm Sát viên.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê T, sinh ngày 09/8/1998, tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: ấp E, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê C và bà Diệp H; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: tốt. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 15/7/2021 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Chị Phạm P, sinh năm 1996 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã MB, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Nguyễn U, sinh năm 1949 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp E, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Anh Nguyễn K (tên gọi khác: Ph), sinh năm 2000 (Vắng mặt).

Anh Huỳnh Th, sinh năm 1999 (Có mặt).

Anh Nguyễn L (tên gọi khác là N), sinh năm 2002 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp R, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

Anh Lâm Q, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp O, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa bị cáo Lê T và bị hại Phạm P là bạn bè, quen biết nhau. Vào khoảng 9 giờ ngày 02/7/2021 chị P gọi điện thoại rủ bị cáo T đến nhà chơi, đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì bị cáo T cùng với anh Huỳnh Th và một số người bạn khác đến chơi tại nhà của chị P thuộc ấp M, xã MB, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Sau đó thì chị P mượn xe mô tô Nouvo màu đỏ đen của anh Huỳnh Th chở bị cáo T đi chợ MQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng để mua đồ về nấu ăn và rút số tiền 1.000.000 đồng từ thẻ ATM tại tiệm TM ở chợ MQ, thị xã N bằng cách quẹt thẻ qua máy Pos.

Sau khi đi chợ và rút tiền xong, về đến nhà chị P thì chị P cất thẻ ATM vào trong cốp xe mô tô hiệu Sirius, biển số 83E1-225.59 đang đậu trong nhà trước, sau đó chị P mở cốp xe để lấy khẩu trang thì bị cáo T thấy trong cốp xe có để thẻ ATM nên nảy sinh ý định trộm cắp thẻ đem đi rút tiền vì bị cáo đã biết mật khẩu và biết thẻ ATM của chị P có nhiều tiền, bị cáo T hỏi “*xe này em mở sao được hay vậy*”, chị P chỉ cho bị cáo T cách để mở cốp xe. Khoảng 20 phút sau, khi thấy nhà trước của chị P không có ai, bị cáo T đến mở cốp xe lấy trộm thẻ ATM của chị P, bỏ vào túi áo khoác bị cáo T đang mặc rồi đi ra nhà sau làm công chuyện cùng chị P.

Một lúc sau, bị cáo T hỏi mượn xe mô tô hiệu Nouvo của anh Huỳnh Th đi đến tiệm TM gặp chị Trần M để rút tiền, khi được chị M hỏi thẻ ATM của P sau em rút thì bị cáo T nói là nhà P có khách nên nhờ đi rút dùm đồng thời cung cấp mật khẩu cho chị M và rút số tiền 15.000.000 đồng. Sau khi rút tiền xong thì điện thoại của chị P có tin nhắn đến báo đã rút số tiền là 15.000.000 đồng, bị cáo T liền xóa tin nhắn và điều khiển xe về nhà chị P, cùng ngồi chơi, uống rượu, sau đó thì đi về nhà. Đến khoảng 13 giờ, ngày 03/7/2021, bị cáo T gặp anh Lâm Q và nhờ anh Q chở đi thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng đến thùng ATM của ngân hàng N chi nhánh T - S đặt tại thị trấn P, huyện T để rút tiền, bị cáo T tiếp tục rút được số tiền trong thẻ ATM đã lấy trộm của chị P là 4.000.000 đồng, rút 02 lần, lần đầu rút số tiền 2.000.000 đồng vào lúc 14 giờ 10 phút 16 giây và rút lần hai số tiền 2.000.000 đồng vào lúc 14 giờ 14 phút 17 giây. Sau khi rút xong bị cáo T nghỉ trong thẻ ATM của chị P đã hết tiền. Tại thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị cáo T gặp người bạn có tên trên Facebook là Lâm K (không rõ nhân thân, địa chỉ cụ thể) cho K thẻ ATM của chị P và có nói cho K biết mật khẩu thẻ ATM là 702033, sau đó anh Q chở bị cáo T đi về nhà anh Huỳnh Th tham dự đám giỗ tại nhà anh Th, trên đường về bị cáo T đưa cho anh Q mượn số tiền là 500.000 đồng. Sau khi rút tiền 03 lần được số tiền là 19.000.000 đồng từ thẻ ATM đã lấy trộm được của chị P, bị cáo T đã cho người quen, bạn bè mượn và dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân còn lại 500.000 đồng đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm tạm giữ.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSTXNN ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Lê T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Lê T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đồng thời, rút lại đề nghị áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê T mức án từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê T trả lại cho bị hại Phạm P số tiền 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tiếp tục tạm giữ số tiền đã thu giữ của bị cáo Lê T 500.000 đồng và số tiền đã thu giữ của bà Nguyễn U 80.000 đồng là số tiền còn lại mà bị cáo T đã chiếm đoạt của bị hại P để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với anh Lâm Q có chỗ bị cáo T đi rút tiền tại trụ Agribank thị trấn P, huyện T qua điều tra anh Q không biết bị cáo T đã lấy trộm thẻ ATM của người khác để đi rút tiền và không biết số tiền mà bị cáo T cho anh mượn là tiền trộm cắp từ người khác, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Đối với người tên Lâm K, qua làm việc bị cáo T cho biết sau khi rút tiền ở trụ ATM thị trấn P, bị cáo T đã cho thẻ ATM của chị P cho K, bị cáo không có nói cho K biết thẻ ATM lấy trộm của người khác, bị cáo Lê T không biết rõ họ tên và địa chỉ cụ thể của Lâm K, nên quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân và địa chỉ cụ thể của K, khi nào điều tra phát hiện sẽ tiếp tục xem xét xử lý sau.

Tại phiên tòa bị cáo Lê T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố cũng như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Bị cáo T cảm thấy rất hối hận về hành vi phạm tội của bị cáo nên xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo hứa sớm bồi thường lại số tiền 19.000.000 đồng cho bị hại P.

Tại phiên tòa bị hại chị Phạm P yêu cầu xử lý bị cáo Lê T theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự thì chị P yêu cầu bị cáo Lê T phải trả lại cho chị P số tiền 19.000.000 đồng.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn U, anh Nguyễn K, anh Nguyễn L, anh Lâm Q vắng mặt. Xét thấy, bị cáo, bị hại và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đều đề nghị xét

xử vắng mặt họ, việc vắng mặt những người này không gây cản trở cho việc xét xử, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà U, anh K, anh L và anh Q.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay lời trình bày và khai nhận của bị cáo Lê T là phù hợp với lời khai bị cáo, bị hại tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận rằng vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/7/2021 tại nhà bị hại chị Phạm P thuộc ấp M, xã MB, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo Lê T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt một thẻ ATM của chị Phạm P. Từ lúc 14 giờ 54 phút 09 giây ngày 02/7/2021 đến lúc 14 giờ 14 phút 17 giây ngày 03/7/2021, bị cáo Lê T đã ba lần thực hiện hành vi rút tiền từ tài khoản thẻ ATM đã trộm của chị P, chiếm đoạt số tiền tổng cộng là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng). Đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê T đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Lê T theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình. Bị cáo có đầy đủ sức khỏe để lao động làm ăn chân chính nhằm tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình, nhưng bị cáo chỉ muốn hưởng thành quả lao động của người khác mà không phải bỏ ra sức lao động; Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, đã lén lút lấy tài sản của bị hại để phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm đấu tranh phòng ngừa tội phạm, đảm bảo tình hình an ninh chính trị tại địa phương nói riêng cũng như đảm bảo trật tự xã hội. Tuy nhiên, trước khi lượng hình thì Hội đồng xét xử còn xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có

tiền án, tiền sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội cũng như tại phiên tòa bị cáo đã tỏ ra ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Từ ngày 02/7/2021 đến ngày 03/7/2021 bị cáo T đã thực hiện rút tiền 03 lần chiếm đoạt tiền từ thẻ ATM của chị P, mỗi lần từ 2.000.000 đồng trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do đó đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vừa nêu cho bị cáo T là phù hợp. Riêng về tình tiết thành khẩn khai báo thì Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình điều tra đến khi Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm ban hành Cáo Trạng bị cáo vẫn không thừa nhận bị cáo đã thực hiện hành vi rút tiền lần thứ 3 số tiền 2.000.000 đồng từ thẻ ATM đã trộm của bị hại P, đến khi Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm tìm ra được hình ảnh trích xuất camera tại trụ ATM mà bị cáo T đã rút tiền tiến hành cho bị cáo T nhận dạng hình ảnh thì bị cáo T mới chịu thừa nhận hành vi của mình, do đó bị cáo T vẫn chưa thành khẩn khai báo về các hành vi mà bị cáo đã thực hiện chiếm đoạt tiền của bị hại cho nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê T.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm đã thu giữ của bị cáo Lê T số tiền là 500.000 đồng và thu giữ của bà Nguyễn U số tiền 80.000 đồng là các số tiền còn lại mà bị cáo T đã chiếm đoạt của bị hại P, đây là vật chứng của vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị hại Phạm P số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và số tiền 80.000 đồng (Tám mươi nghìn đồng) theo các Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 65,66 cùng ngày 15/7/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Các vật chứng nêu trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/10/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê T đã chiếm đoạt của bị hại Phạm P số tiền 19.000.000 đồng nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm đã thu giữ lại được số tiền 580.000 đồng, Hội đồng xét xử đã xử lý hoàn trả lại cho bị hại chị Phạm P số tiền này tại mục số [6]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Lê T bồi thường cho bị hại Phạm P số tiền 18.420.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm hai chục nghìn đồng).

[8] Lời đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về áp dụng pháp luật, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự như đã phân tích ở trên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng về xử lý vật chứng thì Hội đồng xét xử không chấp nhận tiếp tục tạm giữ số tiền phạm tội mà có và tiến hành xử lý vật chứng như nhận định tại mục số [6].

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Lê T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 921.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Đối tượng Lâm K là người được bị cáo Lê T cho thẻ ATM đã lấy trộm của bị hại P hiện nay không rõ lai lịch, nhân thân nên đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm tiếp tục làm rõ để xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

[11] Còn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Nguyễn U, anh Nguyễn K, anh Nguyễn L, anh Lâm Q khi được bị cáo Lê T cho mượn tiền và cho tiền thì không biết số tiền được cho và được cho mượn là tiền mà bị cáo T đã trộm cắp mà có, bị cáo T cũng không có yêu cầu những người này phải trả tiền lại cho bị cáo T nên không xem xét trách nhiệm hình sự của những người này là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

1/ Tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội *“Trộm cắp tài sản”*.

2/ Xử phạt bị cáo Lê T 01 (Một) năm tù. Thời hạn được chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày chấp hành án.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Lê T bồi thường cho bị hại Phạm P số tiền 18.420.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm hai chục nghìn đồng).

4/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị hại Phạm P số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và số tiền 80.000 đồng (Tám mươi nghìn đồng) theo các Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 65,66 cùng ngày 15/7/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Các vật chứng nêu trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/10/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng .

5/ Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm

ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 921.000 đồng (Chín trăm hai mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA- TA tỉnh Sóc Trăng(1);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng(1);
- VKSND thị xã Ngã Năm(1);
- CQTHAHS Công an thị xã Ngã Năm(1);
- CQĐT Công an thị xã Ngã Năm(1);
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm (1);
- Bị cáo(1);
- Bị hại(1);
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- UBND xã V, huyện T (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).
- Bộ phận lưu trữ (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng